

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày 29-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐ-ST, ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Kh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trí Th, sinh năm 1979 (Theo giấy uỷ quyền chứng thực ngày 25-4-2023) (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Kh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: 1. Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1968 (vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án).

2. Bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Kh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Chị Chiêm Hồng M, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 10, xã Kh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Ngô Bảo X, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Bằng, xã Ph L, huyện Tr V Th, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 3, Kh H, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây do ông Phạm Văn Tr thấy ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Mỹ L làm ăn có uy tín cho nên ông Tr có cho ông Th và bà L vay tiền nhiều lần, khi nhận tiền ông Th có viết biên nhận nợ và ký nhận vào giấy nhận nợ cụ thể như sau:

- Vào ngày 13 tháng 03 năm 2021, ông Th, bà L vay ông Tr với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 05 chỉ vàng 24K khi vay quy ra thành 25.000.000 đồng, tổng cộng số tiền vay là 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng.

- Vào ngày 16 tháng 03 năm 2021 ông Th, bà L tiếp tục vay của ông Tr với số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 05%/tháng, nhưng không có ghi trong giấy vay tiền, cụ thể như sau:

- + Lần thứ nhất vay với số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).
- + Lần thứ hai vay với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).
- + Lần thứ ba vay với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 25-4-2022 ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L có trả cho bà Ngô Thị D là vợ của ông Tr số tiền 148.000.000 đồng của khoản vay ngày 16-3-2021, lần thứ nhất 80.000.000 đồng và lần thứ hai 40.000.000 đồng và tiền lãi 28.000.000 đồng của số tiền vay 120.000.000 đồng. Vợ chồng ông Th, bà L còn nợ lại ông Tr số tiền 30.000.000 đồng của khoản vay lần thứ 3, khoản vay này là vay dùm cho chị X con ông Th.

Từ khi vay ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L không đóng lãi cho ông Tr nên ông Tr khởi kiện yêu cầu ông Th, bà L trả cho ông số tiền 30000.000 đồng của khoản vay ngày 13-3-2021 và 30.000.000 đồng của khoản vay ngày 16-3-2021 và yêu cầu tính lãi của hai khoản vay này từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm (28-02-2024) là 34 tháng với lãi suất 1,66%/tháng.

- Vào ngày 25-4-2021, ông Ngô Văn Th có hỏi vay của ông Phạm Văn Tr số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của ông Tr và ông Tr rút lại yêu cầu về số tiền 30.000.000 đồng. Ông Tr chỉ yêu cầu ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L trả cho ông số tiền 5.000.000 đồng mượn để làm chi phí đi ghe biển và tiền mượn mua dầu là 7.600.000 đồng, tổng cộng là 12.600.000 đồng.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Ngô Văn Th trình bày:*

Ông thừa nhận có nợ của ông Phạm Văn Tr số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K ông vay dùm cho anh Nguyễn Văn Th nhưng khi vay đã quy ra thành 25.000.000 đồng nên ông nợ ông Tr số tiền 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 13-3-2021 và khoản vay 30.000.000 đồng ngày 16-3-2021 ông vay dùm cho con gái ông là chị X. Đối với hai khoản vay này ông đã đóng lãi hàng tháng cho ông Tr mỗi tháng mỗi khoản vay là 1.500.000 đồng, ông chỉ còn nợ tiền lãi từ tháng 3/2023 của

khoản vay dùm chị X và tháng 4/2023 của khoản vay dùm anh Thức. Ông đồng ý trả cho ông Tr số tiền vốn gốc là 60.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì không có khả năng.

Ngày 25-4-2022 ông và bà Ngô Thị D là vợ của ông Tr có tính toán nợ, ông đã trả cho bà D được số tiền 148.000.000 đồng là đã trả xong các khoản nợ của ông. Trong giấy ngày 25-4-2022 đã ghi “còn phần mỹ xuyên...(Ba chục triệu)” là đã sang phần nợ ngày 16-3-2021 qua chứ không phải khoản vay của ông.

Đối với số tiền mượn 5.000.000 đồng và tiền mượn mua dầu 7.600.000 đồng thì ông có mượn, ông có ghi giấy mượn nhưng đã trả cho ông Tr ngoài biển, không còn nợ số tiền này nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Tr.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Mỹ L trình bày:* bà thống nhất theo lời trình bày của ông Ngô Văn Th, bà thừa nhận hiện nay còn nợ ông Tr số tiền 30.000.0000 đồng khoản vay dùm cho anh Nguyễn Văn Th và số tiền 30.000.000 đồng của khoản vay dùm cho chị Ngô Bảo X. Bà L đồng ý trả cho ông Tr số tiền vốn gốc đã vay là 60.000.000 đồng, bà xác định khoản vay này bà đã trả tiền lãi cho ông Tr qua bà Ngô Thị D vợ ông Tr và con dâu ông Tr là chị Chiêm Hồng M đến tháng 3/2023 và tháng 4/2023 hiện nay chỉ còn nợ mấy tháng và không đồng ý trả lãi vì bà đã trả nhiều rồi hiện nay không còn khả năng trả nữa. Bà L xác định đối với số tiền 148.000.000 đồng là tiền vợ chồng bà trả cho bà D vợ ông Tr của khoản vay của vợ chồng bà với số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay này. Còn việc đóng lãi của hai khoản vay ông Th vay dùm anh Thức và chị X là bà đóng lãi riêng, không liên quan trong số tiền này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D trình bày:* Bà có biết việc ông Phạm Văn Tr cho ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L vay tiền. Ngày 25/4/2022, bà có nhận của ông Th số tiền 148.000.000 đồng, trong đó trả tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 28.000.000 đồng của khoản vay ngày 16-3-2021. Bà không có nhận tiền lãi từ ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L về hai khoản vay dùm cho anh Thức và chị X. Con dâu bà là chị Chiêm Hồng M có nhận tiền lãi phần vay dùm của chị X là 1.500.000 đồng. Chị Ngô Bảo X và anh Nguyễn Văn Th cũng không có đóng tiền lãi trực tiếp cho bà.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Chiêm Hồng M trình bày:* Chị có biết việc ông Phạm Văn Tr cho ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L vay tiền, chị có nhận tiền lãi từ bà L gửi đóng cho khoản vay dùm của chị X với số tiền 1.500.000 đồng, ngoài ra chị không có nhận số tiền nào khác từ chị X và anh Thức đóng lãi. Do chị bận công việc gia đình nên xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr, buộc ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Tr tổng số tiền 65.854.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr với số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 25-4-2021.

Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Đối với các khoản nợ ông Ngô Văn Th cho rằng là vay dùm cho chị X, anh Thúc nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để các đương sự tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị Chiêm Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Ngô Văn Th, anh Nguyễn Văn Th và chị Ngô Bảo X vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc, tiền lãi và tiền mượn về bản chất tiền mượn vẫn là tiền vay nhưng không có thỏa thuận lãi suất nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

- Đối với khoản vay ngày 13 tháng 03 năm 2021, ông Tr yêu cầu ông Th và bà L trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng từ số tiền 5.000.000 đồng cộng với 05 chỉ vàng 24K quy ra bằng 25.000.000 đồng. Ông Tr, ông Th đều xác định khi vay quy ra như vậy để tính tiền lãi, khi vay là đưa 05 chỉ vàng 24K và số tiền 5.000.000 đồng. Mặt khác tại giấy vay ngày 13-3-2021 có nội dung: "...sau khi đóng trả vàng thì trả bằng vàng, tiền trả bằng tiền..." nên việc ông Tr yêu cầu ông Th, bà L trả cho ông Tr số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc trả số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Tr thì ông Th, bà L đều xác định có tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng với số tiền 30.000.000 đồng là cao so với quy định. Ông Tr xác định ông Th bà L từ khi vay không có đóng lãi cho ông nên ông mới yêu cầu tính lãi theo quy định là 1,66%. Ông Th, bà L xác định có đóng lãi cho ông Tr từ khi vay chỉ còn nợ tiền lãi từ tháng 3/2023 cho đến nay nhưng không có chứng cứ gì chứng minh việc mình đã đóng lãi cho ông Tr và cũng không được ông Tr thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông Th, bà L về việc có đóng tiền lãi cho ông Tr. Xét yêu cầu tính lãi của ông Tr, do Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của ông Tr với số tiền 5.000.000 đồng nên lãi suất được tính như sau: 5.000.000 đồng x 1,66% x 34 tháng (từ ngày 16-3-2021 đến ngày 28-02-2024) = 2.822.000 đồng. Như vậy đối với khoản vay ngày 13-3-2021, Hội đồng xét xử

buộc ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L cùng có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn Tr số tiền gốc và lãi là 7.822.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

- Đối với khoản vay ngày 16 tháng 03 năm 2021 với số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 05%/tháng. Ông Tr, ông Th và bà L đều xác định ông Th đã trả được số tiền 148.000.000 đồng, trong đó 120.000.000 đồng tiền vốn gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này. Ông Tr, ông Th và bà L đều xác định đây là khoản vay riêng của ông Th các bên đã thực hiện xong, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Th, bà L xác định còn nợ và đồng ý trả cho ông Tr khoản vay dùm chị X với số tiền 30.000.000 đồng ngày 16-3-2021.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Tr thấy rằng tại giấy vay tiền ngày 16-3-2021 không có thỏa thuận tính lãi. Tuy nhiên giữa ông Tr, ông Th và bà L đều xác định có tính lãi với lãi suất 05%/tháng. Ông Tr cho rằng có thỏa thuận lãi nhưng ông Th không có đóng lãi cho ông, chỉ đóng lãi được 01 tháng với số tiền 1.500.000 đồng nên đồng ý đối trừ số tiền này. Ông Th, bà L thì xác định có đóng lãi chỉ còn nợ lãi từ tháng 4/2023 cho đến nay. Xét lời trình bày của ông Th, bà L thấy rằng ông Th, bà L xác định từ khi vay có đóng lãi hàng tháng cho ông Tr thông qua vợ ông Tr là bà D và con ông Tr là chị My nhưng không được ông Tr, bà D, và chị My thừa nhận. Ông Th, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc mình có đóng lãi cho ông Tr nên lời trình bày của ông Th, bà L không có căn cứ chấp nhận. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc yêu cầu ông Th, bà L trả tiền lãi cho khoản vay 30.000.000 đồng, tiền lãi được xác định như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng}$ (từ ngày 16-3-2021 đến ngày 28-02-2024) = 16.932.000 đồng, đối trừ số tiền 1.500.000 đồng mà chị My đã nhận của bà L thì tiền lãi ông Th, bà L còn nợ là 15.432.000 đồng. Như đã phân tích Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Tr, buộc ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L trả cho Tr số tiền vốn 30.000.0000 đồng và tiền lãi là 15.432.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 45.432.000 đồng.

- Đối với số tiền mượn 5.000.000 đồng và tiền mượn mua dầu 7.600.000 đồng, tổng cộng là 12.600.000 đồng, ông Tr yêu cầu ông Th, bà L trả cho ông không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng ông Th thừa nhận có nợ ông Tr số tiền 12.600.000 đồng nhưng xác định ông đã trả số tiền này cho ông Tr ngoài biển, khi trả không ai chứng kiến cũng không có giấy tờ gì chứng minh, ông Tr không thừa nhận việc ông Th đã trả tiền nên lời trình bày của ông Th là không có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Tr, buộc ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L có trách nhiệm trả cho ông Tr số tiền 12.600.000 đồng.

Do ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Mỹ L là vợ chồng và ông Th xác định các khoản vay bà L đều biết nên cần buộc ông Th và bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm Văn Tr.

- Đối với khoản vay ngày 25-04-2021 ông Tr và người đại diện theo uỷ quyền của ông rút lại yêu cầu với số tiền là 30.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr, buộc ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Mỹ L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn Tr số tiền 7.822.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K của khoản vay ngày 13-3-2021, số tiền vốn và lãi 45.432.000 đồng của khoản vay ngày 16-3-2021 và tiền mượn 12.600.000 đồng. Như vậy tổng cộng ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L phải trả cho ông Phạm Văn Tr số tiền là 65.854.000 (Sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24K.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Toà án chấp nhận. Ngày 08-5-2023 ông Phạm Văn Tr có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nên ông Tr được miễn án phí.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận (65.854.000 đồng + 05 chỉ vàng 24K x (giá vàng tại thời điểm xét xử là 6.460.000 đồng/01 chỉ) = 4.907.700 đồng.

[6]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Tr là ông Lê Trí Th đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Đối với các khoản nợ ông Ngô Văn Th cho rằng là vay dùm cho chị X, anh Thúc nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr. Buộc ông Ngô Văn Th và bà Nguyễn Mỹ L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn Tr tổng số tiền là 65.854.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr với số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 25-4-2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi

hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.907.700đ (Bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm đồng) (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lựa